BỆNH VIỆN ĐỨC KHANG

129A Nguyễn Chí Thanh và 500 Ngô Gia Tự
Phường An Đông, TP. HCM
Điện thoại : 0903.056.132

Bệnh Viện ĐỨC KHANG

BẢNG GIÁ THUỐC NHÀ THUỐC 2026

STT	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Hàm lượng	ĐVT	Giá DKMC	Ghi Chú
	A. Thuốc					
1	Acetylcysteine	Acemuc 200mg	200mg	Viên	2,635	
2	Isotretinoin USP	Acnotin 10	10mg	Viên	11,342	
3	Isotretinoin USP	Acnotin 20	20mg	Viên	17,869	
4	Acyclovir	Acyclovir STELLA	800mg	Viên	4,400	
5	Nifedipin	Adalat LA 30mg	30mg	Viên	10,116	
6	Calci carbonat;Cholecalciferol	Agi-Calci	1.250mg:0.2mg	Viên	995	
7	Aciclovir	Agiclovir 5%	0.25g	Tuýp	10,486	
8	Methydopa	Agidopa	250mg	Viên	575	
9	Furosemid	Agifuros	40	Viên	97	
10	Thioctic acid	Alfa-Lipogamma 600	600mg	Viên	17,976	
11	Allopurinol	Allopurinol 300mg	300 mg	Viên	1,513	
12		Alpha Choay	21 microkatals	Viên	2,383	
13	Amlodipin	Amlodac 5mg	5mg	Viên	268	
14	Acarbose	Arbosnew 50	50mg	Viên	592	
15	Amoxicilin; Acid clavulanic	Augmentin tablets 1g	875mg : 125mg	Viên	17,848	
16	Fluticason Furoat	Avamys 27,5mcg/120 liều	27,5mcg	Hộp	235,440	
17	Pantoprazol	Axitan 40mg	40mg	Viên	1,032	
18	Albendazole	Azoltel 400	400mg	Viên	5,499	
19	Cyanocobalamin	B12 Ankermann	1000mcg	Viên	7,490	
20	Vitamin và khoáng chất	Berocca Performance Orange		Viên	7,844	
21	Pividone Iodine	Betadine Gargle & Mouth wash	1% KL/TT	Hộp	76,398	
22	metoprolol succinate	Betaloc Zok 25mg	25mg	Viên	4,828	
23	metoprolol succinate	Betaloc Zok 50mg	50mg	Viên	5,874	
24	Betahistine dihydrochloride	Betaserc	24mg	Viên	6,972	
25	Ceftazidim	Bicefzidim 1g	1g	Lọ	21,908	
26	Sắt Fumarat + Acid Folic	Bidiferon	50mg : 0.35mg	Viên	483	
27	Acid amin	Bioketoca		Viên	13,375	
28	Moxifloxacin	Bluemoxi 400mg	400mg	Viên	51,681	
29	Bromhexin (hydroclorid)	Bromhexin 8mg	8mg	Viên	575	
30	Hyoscin butylbromid	Buscopan	10mg	Viên	1,318	
31	Calcitriol	Calcitriol	0.25mcg	Viên	338	
32	Captopril	Captopril STELLA	25mg	Viên	518	
33	Diclofenac	Cataflam 50	50mg	Viên	5,142	
34	Cefalexin	Cefalexin 500mg	500mg	Viên	1,444	
35	Cefixim	Cefixim STADA 200mg	200mg	Viên	5,390	
36	Celecoxib	Celebrex 200mg	200mg	Viên	12,747	
37	Cetirizin	Cetirizine Stella 10mg	10mg	Viên	507	

STT	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Hàm lượng	ĐVT	Giá DKMC	Ghi Chú
38	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin HCl) 3mg/ml	Cifluron	3mg/ml	Ống	37,450	
39	Ciprofloxacin	Ciprobay 500	500mg	Viên	14,150	
40	Bisoprolol	Concor 5mg	5mg	Viên	4,719	
41	Bisoprolol	Concor Cor 2.5mg	2.5mg	Viên	3,462	
42	Bisoprolol fumarate	Corneil - 5	5MG	Viên	330	
43	Perindopril	Coversyl 10mg	10mg	Viên	7,084	
44	Perindopril arginine	Coversyl 5mg	5mg	Viên	5,380	
45	Amoxicilin + acid clavulanic	Curam 1000mg	875mg; 125mg	Viên	6,362	
46	Diosmin + Hesperidin	Daflon 500mg	450:50 (mg)	Viên	4,275	
47	Dapagliflozin	Daforx 10	10mg	Viên	9,630	
48						
49	Trimebutin maleat	Debridat 100mg		Viên	3,197	
50	Dextromethorphan HBr	Dextromethorphan	15mg	Viên	518	
51	Diacerein	Diacerein	500mg	Viên	1,467	
52	Gliclazid	Diamicron MR 60mg	60mg	Viên	5,485	
53	Human Insulin rDNA origin	Diamisu 70/30 Injection	1000IU/10 mL	Lọ	58,636	
54	Adapalen	Diffeton - Topical Gel	0,1%	Tuýp	38,178	
55	Malva purpurea 250mg+ Campho monobromid 20mg + Xanh methylen 25mg	Domitazol	250 mg: 25 mg: 20 mg	Viên	5,496	
56	Doxycycline	Doxycyclin 1000mg (dưới dạng Doxycyclin hyclat)	100 mg	Viên	1,081	
57	Natri clorid	Dung dịch xịt mũi Nebusal spray 2.3%	2.3%	Lọ	72,760	
58	Lactulose	Duphalac	667g/l	Gói	5,992	
59	Dydrogesterone	Duphaston 10mg	10mg	Viên	11,850	
60	Paracetamol	Efferalgan 500	500mg	Viên	3,415	
61	Natri Clorid 0,9%	Efticol 0.9% 10ml		Lọ	2,888	
62	Itoprid hydrochlorid	Elthon	50mg	Viên	5,276	
63	Bacillus claussii	Enterogermina 4 Billion/5 mL	4 billion/ 5 mL	Ống	13,781	
64	Simethicone	Espumisan capsules	40mg	Viên	1,011	
65	Febuxostat	Feburic 80mg	80mg	Viên	27,526	
66	Fexofenadin HCl 180 mg	Fexostad 180	180mg	Viên	1,320	
67	Deflazacort	Flazacort 6	6 mg	Viên	8,025	
68	Monobasic Natri Phosphat + Dibasic Natri Phosphat	Fleet enema ((19g+7g)/118ml,133ml)	(19g+7g)/118ml,133ml	Hộp	63,130	
69	Meclizine HCl	Flibga 25	25mg	Viên	3,850	
70	Fluconazole	Fluconazole STELLA 150mg	150mg	Viên	9,843	
71	Dapagliflozin	Forxiga	10mg	Viên	20,330	
72	Furosemid 20mg; Spironolacton 50mg	Franilax		Viên	1,320	
73	Fusidic acid	Fucidin cream 2% (300mg/15g)		Tuýp	80,330	
74	Mebendazol	Fugacar (Tablet) 500mg	500mg	Hộp	23,540	

STT	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Hàm lượng	ĐVT	Giá DKMC	Ghi Chú
75	Natri alginate 500mg, Natri bicarbonate 267mg, Calci carbonate 160mg	Gaviscon Dual Action 24/10ml		Gói	8,656	
76	Betamethason+ clotrimazol+ Gentamycin	Gentri-sone cream	6,4mg:100 mg:10mg	Tuýp	15,167	
77	Gliclazide	Gliclada 30mg	30mg	Viên	2,749	
78	Gliclazide	Gliclada 60mg	60mg	Viên	5,313	
79	Sitagliptin	Gliptinestad 50	50	Viên	2,420	
80	Metformin Hydrochloride	Glucophage 500mg	500mg	Viên	1,758	
81	Metformin Hydrochloride	Glucophage 850mg	850mg	Viên	3,786	
82	Hydroxychloroquine Sulphate	HCQ 200mg	200mg	Viên	4,928	
83	Linezolid	Idomagi	600mg	Viên	9,041	
84	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	Imidu 60mg	60mg	Viên	2,148	
85	Loperamid hydrochloride	Imodium	2mg	Viên	3,052	
86	Atorvastatin	Insuact 10	10mg	Viên	298	
87	Atorvastatin	Insuact 20	20mg	Viên	358	
88	Ivabradin	Ivagim 5mg	5mg	Viên	1,081	
89	Sitagliptin: Metformin	Janumet 50mg/850mg	50mg:850mg	Viên	11,388	
90	Empagliflozin	Japiane 10	10mg	Viên	1,430	
91	Empagliflozin	Japiane 25	25mg	Viên	2,167	
92	Ibandronic acid	Jointmeno	150mg	Viên	372,645	
93	Calcium Polystyrene sulfonate	Kalira 5g	5g	Gói	15,729	
94	Kalii chloridum	Kalium Chloratum	500mg	Viên	1,964	
95	Isoleucine 67mg; Phenylalanine 68mg; Leucine 101mg; Valine 86mg; L-lysine 105mg; Methionine 59mg; L-tryptophan 23mg; L-threonine 53mg; L-tyrosine 30mg; L-histidine 38mg; Nitrogen 36mg; Calcium 50mg.	Ketosteril		Viên	15,194	
96	Levofloxacin	L- Stafloxin 500mg	500 mg	Viên	2,530	
97	Linagliptin	Linastad	5mg	Viên	3,300	
98	Fenofibrat	Lipanthyl NT 145mg	145mg	Viên	11,300	
99	Atorvastatin	Lipistad 10	10mg	Viên	1,035	
100	Atorvastatin	Lipistad 20	20 mg	Viên	1,540	
101	Atorvastatin	Lipitor tab 20mg	20mg	Viên	17,057	
102	Pitavastatin	Livalo tablets 2mg	2mg	Viên	13,482	
103	Loperamid	Loperamide STELLA	2mg	Viên	644	
104	Losartan potassium	Lostad T50	50mg	Viên	1,453	
105	Magnesi lactat: Pyridoxin	Magne B6 Corbiere	470mg:5mg	Viên	2,009	

STT	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Hàm lượng	ĐVT	Giá ĐKMC	Ghi Chú
106	Sulpirid	Maxdotyl	50mg	Viên	552	
107	Calcitriol	Meditrol	0.25mcg	Viên	2,178	
108	Celecoxib	Medoleb 200mg	200mg	Viên	863	
109	Chlorhexidine digluconate	Medoral	0.2%	Hộp	53,500	
110	Methylprednisolon	Medrol 16mg	16mg	Viên	4,039	
111	Methylprednisolon	Medrol 4mg	4mg	Viên	1,130	
112	Neomycin (dưới dạng Neomycin sulfat) 35mg + Polymyxine B sulfat 100000IU + Dexamethasone (dưới dạng Dexamethason natri phosphat) 10mg	Mepoly	10mL	Lọ	42,586	
113	Fluticasone propionate	Meseca	50mcg/liều xịt 0.05mL	Hộp	102,720	
114	Telmisartan	Micardis 40mg	40mg	Viên	10,520	
115	Telmisartan	Micardis 80mg	80mg	Viên	15,887	
116	Cao Bình Vôi 49.5mg + Cao Mimosa 242mg	Mimosa (Viên an thần) 49,5mg + 242mg		Viên	1,155	
117	Gabapentin	Mirgy Capsules 100mg	100mg	Viên	2,310	
118	Misoprostol	Misoprostol STELLA 200mcg	200mcg	Viên	5,500	
119	Meloxicam	Mobic 7.5mg	7.5mg	Viên	9,761	
120	8 acid amin thiết yếu & 11 Vitamin	Moriamin Forte		Viên	3,454	
121	Domperidone maleate	Motilium-M	10mg	Viên	2,359	
122	Amoxicilin	Moxacin	500mg	Viên	1,594	
123	Xylometazolin hydroclorid 0,05%	Mucome Baby Spray	0,05%	Lọ	37,450	
124	Eperison	Myonal 50mg	50mg	Viên	3,758	
125	Empagliflozine	Nady-Empag 10	10mg	Viên	13,482	
126	Empagliflozine	Nady-Empag 25	25mg	Viên	15,729	
127	Natri hydrocarbonat	Natri bicarbonat 500mg	500mg	Viên	181	
128	Codein camphosulphona; Sulfoguaiacol: Cao mềm Grindelia	Neo-Codion	25mg:100mg:20mg	Viên	5,127	
129	Gabapentin	Neubatel	300mg	Viên	1,320	
130	Gabapentin	Neurontin	300mg	Viên	12,108	
131	Esomeprazole	Nexium mups 20mg	20mg	Viên	24,028	
132	Esomeprazole	Nexium mups 40mg	40mg	Viên	24,028	
133	Nifedipin	Nifedipin T20 Retard	20 mg	Viên	632	
134	Nifedipin	NifeHEXAL 30 LA	30mg	Viên	3,387	
135	Clopidogrel	Noklot	75mg	Viên	920	
136	Piracetam	Nootryl 800mg	800mg	Viên	2,276	
137	Drotaverin clohydrat	No-spa forte	80mg	Viên	1,401	

STT	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Hàm lượng	ĐVT	Giá DKMC	Ghi Chú
138	Insulin analog trộn, hỗn hợp [dạng trộn, hỗn hợp giữa insulin Degludec và insulin Aspart]	NovoMix 30 FlexPen B	300U/3ml	Ống	210,533	
139	Natri clorid+kali clorid+ natri citrat + glucose khan	Oresol 245 4.1g		Gói	1,637	
140	Paracetamol	Panadol	500mg	Viên	1,040	
141	Paracetamol: Cafein	Panadol Extra	500mg:65mg	Viên	1,384	
142	Aluminum phosphat	Phosphalugel orgel 12.38g/20g		Gói	4,415	
143	Clopidogrel	Plavix	75mg	Viên	17,996	
144	Calcium 120mg; Phospho 55mg; Vitamin D3 2mcg; Vitamin K1 8mcg	PM-NextG Cal		Viên	5,618	
145	Bào tử Bacillus clausii	Progermila 2 Tỷ Lợi Khuẩn	2 x 10^9 CFU/5mL	Ống	5,842	
146	Erythropoietin	Recormon 4000IU INJ	4000IU	Bơm tiêm	457,868	
147	Naphazolin	RHINEX 0,05% 15ml		Chai	5,730	
148	Ciprofloxacin	Scanax 500	500mg	Viên	1,430	
149	Vitamin B1 100mg; Vitamin B6 200mg; Vitamin B12 200mcg	Scanneuron		Viên	1,319	
150	Insulin Regular Human; Isophan Human Insulin	Scilin 30/70 (Insulin) 300UI/3ml		Ống	101,274	
151	Salmeterol + fluticasone propionate	Seretide Evohaler DC	25mcg:250 mcg	Bình	291,995	
152	Sevelamer	Sevelamer Carbonate 800mg	800mg	Viên	9,529	
153	Silymarin	Silygamma 150mg	150mg	Viên	5,428	
154	Diosmectite	Smecta (Hương Cam Và Vani)	3g	Gói	4,490	
155	Esomeprazole	Stadnex 20 CAP	20mg	Viên	3,058	
156	Amlodidine	Stadovas 5mg CAP	5mg	Viên	874	
157	Telmisartan + Amlodipin	Stamlo- T 40mg; 5mg		Viên	4,867	
158	Alphachymotrypsine	Statripsine 4.2mg		Viên	1,038	
159	2,4 Dichlorobenzyl Alcohol 1,2mg; Amylmetacresol 0,6mg; Menthol 7,0mg	Strepsils Cool		Viên	1,592	
160	Flurbiprofen	Strepsils Maxpro Mật Ong & Chanh 8.75Mg	8.75mg	Viên	2,412	
161	Polyethylene glycol 400 0.4%, Propylene glycol 0.3%	Systane Ultra		Hộp	96,834	
162	Valsartan	Tabarex 80mg	80mg	Viên	1,155	
163	Tacrolimus	Tacrolim 0.03%	0.03%	Tuýp	28,944	
164	Gingko Biloba	Tanakan 40mg		Viên	5,101	
165	Acetyl leucin	Tanganil 500mg	500mg	Viên	5,073	
166	Sắt sulfat + folic acid	Tardyferon B9	50mg:0.350 mcg	Viên	3,134	
167	Levofloxacin	Tavanic 500mg	500mg	Viên	39,109	

STT	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Hàm lượng	ĐVT	Giá DKMC	Ghi Chú
168	Tenofovir	Tefostad T300	300mg	Viên	2,750	
169	Fexofenadine hydrochloride	Telfast BD 60mg	60mg	Viên	4,056	
170	Fexofenadine	Telfast HD 180mg	180mg	Viên	8,590	
171	Terbinafine hydrocloride	Terbisil	250mg	Viên	10,696	
172	Thủy diệt; Toàn yết, Thổ miết trùng;...	Thông tâm lạc		Viên	7,490	
173	Thiamazole	Thyrozol	5mg	Viên	2,094	
174	Cineol + Tinh dầu Gừng + Tinh dầu Tần	Tragutan		Viên	791	
175	Linagliptin	Trajenta 5mg	5mg	Viên	17,287	
176	Tranexamic acid	Transamin	250 mg	Viên	2,420	
177	Tramadol hydrochloride + Paracetamol	Ultracet	37,5mg:325 mg	Viên	6,313	
178	Vitamin C	Upsa C 1g	1g	Viên	3,666	
179	Natural micronized progesterone	Utrogestan 200mg	200mg	Viên	15,887	
180	Trimetazidin	Vastarel MR	35mg	Viên	2,976	
181	Salbutamol (sulfat)	Ventolin Inhaler	100mcg/liều xịt	Bình	81,726	
182	Nicotinamid	Vitamin PP 500mg		Viên	426	
183	Torsemide	Vodocat 5	5mg	Viên	6,270	
184	Diclofenac natri	Voltaren SR	75mg	Viên	6,618	
185	Insulin Human, Recombinant	Wosulin 30/70 100UI/ml	30/70 100UI/ml	Ống	83,460	
186	Alfuzosin	Xatral XL 10mg	10mg	Viên	16,361	
187	Almagate	Yumagel F	1.5g/15ml	Gói	6,292	
188	Mỗi lọ 2ml chứa Budesonid 0,5mg	Zensonid		Lọ	13,482	
189	Telmisartan	Zhekof	40mg	Viên	527	
190	Cefuroxim	Zinnat tablets 500mg	500mg	Viên	23,679	
191	Zopiclone	Zopistad 7.5	7.5mg	Viên	2,618	
192	Cetirizine dihydrochloride	Zyrtec	10mg	Viên	8,004	
	B. Sản phẩm không phải là thuốc					
1		Bộ rửa mũi xoang RINORIN		Bộ	199,500	
2		Băng cá nhân vải (Urgo Durable 102's)		Miếng	699	
3		Băng keo giấy y tế Micropore 2.5cm x 9.1m (1530-1)		Cuộn	18,725	
4		Đai Desaut số 8 (P)		Cái	67,410	
5		Đai Desaut số 8 (T)		Cái	67,410	
6		Đai Desaut số 9 (T)		Cái	67,410	
7		Đai Desaute số 9 (P)		Cái	67,410	
8		Gạc lưới hydrocolloid (Urgotul 10cm x 10cm)		Cái	50,076	
9	Cetylated fatty acids (CFAs)	Gel giảm đau xương khớp CETILAR	7.5%	Tuýp	463,050	

STT	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Hàm lượng	ĐVT	Giá DKMC	Ghi Chú
10		Khẩu trang y tế 4 lớp Bisou trắng		Cái	483	
11		Khẩu trang y tế 4 lớp Bisou xanh		Cái	483	
12		Nạng gỗ không sơn đế đen		Cặp	150,000	
13		Nạng nhôm tập đi cho người khuyết tất - Lucass		Cặp	262,500	
14		Novofine 31G x 6mm (màu trắng)		Cái	2,367	
15	Nước súc miệng sạch sâu không cồn	Nước súc miệng sạch sâu không cồn - Laforin		Lọ	99,277	
16	Menthol, camphor, eucalyptol, methyl salicylate, peppermint oil, dầu parafin, hương liệu	Dầu nóng trường sơn 10ml		Chai	25,139	
17	Menthol, Camphor, Eucalyptol, màu, Peppermint oil, Eugenol, Hương liệu, Dầu parafin	Dầu phật linh Trường Sơn		Chai	19,546	
18	L- Cystine	Aimipox	500mg	Viên	4,268	
19	Menthol, camphor, eucalyptol, methyl salicylate, peppermint oil, eugenol, dầu parafin, màu, hương liệu	Dầu xanh THIÊN THẢO		Chai	26,782	
20	Nước Biển Sâu; Khuynh Diệp; Bạc hà; Camphor	Xisat viêm mũi		Chai	32,956	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2026

TRƯỞNG KHOA DƯỢC

DS. Trần Tuyết Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đỗ Thị Mai Trâm

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BỆNH VIỆN ĐỨC KHANG

Trần Phụng So